

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31
Phụ lục	32 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là một bộ phận của Viện Thiết kế Quy hoạch Thành phố - Bộ Kiến trúc, cùng với sự phát triển của đất nước qua từng thời kỳ, Công ty được mang các tên gọi khác nhau là Đội thiết kế công nghệ - Viện Thiết kế Quy hoạch Thành phố thuộc Bộ Kiến trúc, Viện Thiết kế Công trình kỹ thuật Thành phố - Bộ Kiến trúc; Xí nghiệp thiết kế cấp thoát nước - Bộ Xây dựng. Năm 1993, Xí nghiệp được thành lập lại là Công ty Thiết kế Cấp thoát Nước, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng theo Quyết định số 55A/BXD - TCLĐ ngày 05 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 27 tháng 4 năm 1995, Công ty Thiết kế Cấp thoát nước đổi tên thành Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam. Ngày 31 tháng 5 năm 2002, Công ty Tư vấn Cấp thoát Nước và Môi trường Việt Nam đổi tên thành Công ty Nước và Môi trường Việt Nam.

Công ty chuyển mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1427/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103014795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 08 tháng 12 năm 2016. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn, lập và thẩm tra báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế, dự toán và tổng dự toán; Tư vấn đấu thầu; Quản lý dự án; Giám sát thi công xây dựng cho các công trình cấp nước, thoát nước, chất thải rắn và vệ sinh môi trường; Công trình dân dụng và công nghiệp; Công trình giao thông; Công trình thủy lợi; Công trình hạ tầng kỹ thuật; Công trình cấp điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây điện cao thế và trạm biến áp; Lập quy hoạch chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; lập quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, lập quy hoạch chi tiết xây dựng cho: Đô thị, nông thôn và khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp; Thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán thẩm tra thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Hoạt động đo đạc bản đồ; Khảo sát địa hình, địa chất công trình, môi sinh, môi trường, thí nghiệm không khí, đất và nước; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Kiểm định chất lượng công trình;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình công ích: đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 36.000.000.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Vietnam Water, Sanitation and Environment Joint Stock Company. Tên viết tắt: VIWASE.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 Đường Thành, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Như Hà	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Đoàn Nam Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên
Ông Phùng Ngọc Quang	Ủy viên
Ông Trần Đức Toàn	Ủy viên (Đến ngày 21/4/2017)
Ông Nguyễn Bá Minh	Ủy viên (Từ ngày 21/04/2017)
Ông Nguyễn Thành Tài	Ủy viên (Từ ngày 21/04/2017)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hiền Hoà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kiên Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/01/2018)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Số: 197/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
của Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam, được lập ngày 12/3/2018, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue ink signature, likely belonging to the auditor, written in a cursive style.

Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018*

Bùi Thị Thúy**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		90.451.219.768	62.251.128.477
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	24.889.435.130	8.285.839.245
1. Tiền	111		9.889.157.368	2.785.839.245
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.277.762	5.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	12.900.000.000	15.900.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		12.900.000.000	15.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.671.077.153	25.234.958.852
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	26.302.332.794	16.098.962.216
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	3.108.648.188	975.477.192
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	10.260.096.171	8.160.519.444
IV. Hàng tồn kho	140		12.681.470.763	11.187.370.386
1. Hàng tồn kho	141	5.6	12.681.470.763	11.187.370.386
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		309.236.722	1.642.959.994
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	275.945.891	711.108.788
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	407.255.175
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		33.290.831	524.596.031
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		27.576.125.038	27.813.126.396
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		10.600.924.067	9.875.973.361
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	10.559.315.833	9.787.409.127
- Nguyên giá	222		13.867.974.825	12.438.287.552
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.308.658.992)	(2.650.878.425)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	41.608.234	88.564.234
- Nguyên giá	228		288.859.900	288.859.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(247.251.666)	(200.295.666)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.698.234.836	116.069.000
1. Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	9.698.234.836	116.069.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	7.276.966.135	17.821.084.035
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.057.749.605	15.621.749.605
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.375.000.000	2.375.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(155.783.470)	(175.665.570)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		118.027.344.806	90.064.254.873

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		53.582.683.266	37.471.158.954
I. Nợ ngắn hạn	310		53.582.683.266	37.471.158.954
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	5.616.599.325	3.042.290.834
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	17.317.779.426	14.737.107.936
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	870.488.369	178.180.393
4. Phải trả người lao động	314		12.866.819.368	7.622.965.625
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		154.000.000	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		88.696.487	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	15.138.189.171	9.761.033.046
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.530.111.120	2.129.581.120
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		64.444.661.540	52.593.095.919
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	64.434.661.540	52.583.095.919
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.754.235	28.754.235
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.580.149.036	5.580.149.036
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.825.758.269	10.974.192.648
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.834.192.648	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.991.565.621	10.974.192.648
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		10.000.000	10.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		118.027.344.806	90.064.254.873

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Lê Thị Thu Hương

Ngô Lan Phương

Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	143.959.798.401	157.191.372.908
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		143.959.798.401	157.191.372.908
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	125.592.564.163	136.600.976.600
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		18.367.234.238	20.590.396.308
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	17.855.565.022	1.758.371.303
7. Chi phí tài chính	22	5.20	23.055.674	83.303.552
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	13.329.564.721	8.817.171.226
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		22.870.178.865	13.448.292.833
11. Thu nhập khác	31		768.558.192	174.652.728
12. Chi phí khác	32		71.690.334	45.000.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	696.867.858	129.652.728
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		23.567.046.723	13.577.945.561
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	4.575.481.102	2.603.752.913
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		18.991.565.621	10.974.192.648
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	5.275	3.048

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Thu Hương

Ngô Lan Phương

Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.991.565.621	10.974.192.648
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	704.736.567	531.978.171
- Các khoản dự phòng	03	(19.882.100)	9.278.075
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	155.453	704.580
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.852.179.792)	(1.758.371.303)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.824.395.749	9.757.782.171
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.660.475.926)	8.270.416.083
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.494.100.377)	7.309.399.972
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	17.990.549.291	(25.620.601.456)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	435.162.897	463.082.503
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.816.106.979)	(3.496.653.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20	6.279.424.655	(3.316.574.527)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.011.853.109)	(4.551.032.319)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(15.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.232.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	26.410.000.000	375.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	2.006.179.792	1.758.371.303
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30	20.404.326.683	(23.549.661.016)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	9.027.244.235
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.080.000.000)	(3.360.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40	(10.080.000.000)	5.667.244.235
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	16.603.751.338	(21.198.991.308)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.285.839.245	29.485.535.133
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	(155.453)	(704.580)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	24.889.435.130	8.285.839.245

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Lê Thị Thu Hương

Ngô Lan Phương

Lê Văn Tuấn

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là một bộ phận của Viện Thiết kế Quy hoạch Thành phố - Bộ Kiến trúc, cùng với sự phát triển của đất nước qua từng thời kỳ, Công ty được mang các tên gọi khác nhau là Đội thiết kế công nghệ - Viện Thiết kế Quy hoạch Thành phố thuộc Bộ Kiến trúc, Viện Thiết kế Công trình kỹ thuật Thành phố - Bộ Kiến trúc; Xí nghiệp thiết kế cấp thoát nước - Bộ Xây dựng. Năm 1993, Xí nghiệp được thành lập lại là Công ty Thiết kế Cấp thoát nước, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng theo Quyết định số 55A/BXD - TCLĐ ngày 05 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 27 tháng 4 năm 1995, Công ty Thiết kế Cấp thoát nước đổi tên thành Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam. Ngày 31 tháng 5 năm 2002, Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam đổi tên thành Công ty Nước và Môi trường Việt Nam.

Công ty chuyển mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1427/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103014795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 08 tháng 12 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 36.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	1.272.600	12.726.000.000	35,35%
Các cổ đông khác	2.327.400	23.274.000.000	64,65%
Tổng	3.600.000	36.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 Đường Thành, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm 2017: 291 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: khảo sát địa hình, địa chất, địa chất công trình, địa chất thủy văn, môi sinh, môi trường, thí nghiệm không khí, đất và nước; thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán và thẩm tra thiết kế, tổng dự toán và dự toán các công trình dân dụng công nghiệp; tư vấn, tổng thầu tư vấn, khảo sát, thiết kế, quản lý dự án các công trình cấp, thoát nước, chất thải rắn và vệ sinh môi trường, bao gồm: lập và thẩm tra các Báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, hồ sơ thiết kế, tổng dự toán; tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về tư vấn, xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công lắp đặt; thiết kế điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây tải điện và trạm biến thế điện; quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng; giám sát thi công xây dựng; lập quy hoạch chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp; tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chia khoá trao tay;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình công ích: đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2017 là: tư vấn, tổng thầu tư vấn, lập quy hoạch chuyên ngành, khảo sát, thiết kế, quản lý các công trình cấp nước, thoát nước, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật, chất thải rắn và vệ sinh môi trường.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư như sau:

STT	Tên công ty liên doanh, liên kết	phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập - Quảng Ninh	18,56%	18,56%	SX, KD nước sạch
2	Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	48,81%	48,81%	Tư vấn
3	Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	48,97%	48,97%	Tư vấn
4	Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Lạc Việt	44,48%	44,48%	Tư vấn

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng khi giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư số 147/2016/TT- BTC ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 28/2017/TT- BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT- BTC và Thông tư số 147/2016/TT- BTC của Bộ tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm .

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan: Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là: tư vấn, tổng thầu tư vấn, lập quy hoạch chuyên ngành, khảo sát, thiết kế, quản lý các công trình cấp nước, thoát nước, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật, chất thải rắn và vệ sinh môi trường và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	462.689.750	36.406.420
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.426.467.618	2.749.432.825
Các khoản tương đương tiền	15.000.277.762	5.500.000.000
Tổng	24.889.435.130	8.285.839.245

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Ngắn hạn	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5.800.000.000	5.800.000.000	13.800.000.000	13.800.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN ĐBP	2.100.000.000	2.100.000.000	2.100.000.000	2.100.000.000
Tổng	12.900.000.000	12.900.000.000	15.900.000.000	15.900.000.000

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	26.302.332.794	16.098.962.216
BQL dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật - 37 Lê Đại Hành, HN	-	1.550.180.000
Công ty TNHH HASKONING DHV Việt Nam	2.076.803.669	-
Ban QLDA phát triển tỉnh Khánh Hòa (tên cũ BQL dự án cải thiện VSMT TP Nha Trang)	-	3.137.818.330
Công ty TNHH MTV Thoát nước PTĐT BRVT	1.049.367.100	200.000.000
Ban Quản lý dự án Thoát nước và Xử lý nước thải TP Hạ Long	2.716.394.971	-
Trung tâm nước sinh hoạt và VSMT nông thôn Vĩnh Phúc	864.204.000	1.745.464.000
Công ty TNHH Long Phương - DA BT NMN Mặt Bắc Ninh - KCN Hạp Lĩnh, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	1.015.480.000	1.518.317.000
BQL các DA ĐTCSHT ưu tiên Đà Nẵng	8.958.147.000	-
Công ty TNHH 1 thành viên Nước sạch Hà Nội	3.947.417.336	-
Các đối tượng khác	5.674.518.718	7.947.182.886
Tổng	26.302.332.794	16.098.962.216

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.108.648.188	975.477.192
<i>Công ty TNHH TVXD MEINHARDT VIETNAM</i>	<i>1.101.384.354</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i>	<i>2.007.263.834</i>	<i>975.477.192</i>
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	1.096.249.956	392.667.299
<i>Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT</i>	<i>679.451.368</i>	<i>392.667.299</i>
<i>Sài Gòn (Sàigòn Weico)</i>	<i>416.798.588</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Lạc Việt (LAVIC)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng	<u>3.108.648.188</u>	<u>975.477.192</u>

5.5 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	10.260.096.171	-	8.160.519.444	-
Phải thu người lao động	574.309.242	-	1.086.386.944	-
Phải thu người lao động về thuế TNCN	317.971.981	-	835.764.728	-
Tiền cổ tức tạm ứng	4.877.082.000	-	-	-
Tạm ứng	4.254.062.000	-	5.926.363.417	-
Phải thu khác	236.670.948	-	312.004.355	-
Tổng	<u>10.260.096.171</u>	<u>-</u>	<u>8.160.519.444</u>	<u>-</u>

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.681.470.763	-	11.187.370.386	-
Tổng	<u>12.681.470.763</u>	<u>-</u>	<u>11.187.370.386</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tại ngày 01 tháng 01	711.108.788	1.174.191.291
Tăng	275.945.891	711.108.788
Giảm trong năm	711.108.788	1.174.191.291
- <i>Kết chuyển chi phí</i>	711.108.788	1.174.191.291
Tại ngày 31 tháng 12	275.945.891	711.108.788
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	275.945.891	711.108.788
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	275.945.891	711.108.788
b) Dài hạn	-	-
Tổng	275.945.891	711.108.788

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2017	7.785.417.516	658.326.374	3.994.543.662	12.438.287.552
Tăng trong năm	-	-	1.429.687.273	1.429.687.273
Mua trong năm	-	-	1.429.687.273	1.429.687.273
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	7.785.417.516	658.326.374	5.424.230.935	13.867.974.825
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2017	1.312.391.320	434.312.355	904.174.750	2.650.878.425
Tăng trong năm	208.700.424	54.860.508	394.219.635	657.780.567
Khấu hao trong năm	208.700.424	54.860.508	394.219.635	657.780.567
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	1.521.091.744	489.172.863	1.298.394.385	3.308.658.992
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2017	6.473.026.196	224.014.019	3.090.368.912	9.787.409.127
Tại 31/12/2017	6.264.325.772	169.153.511	4.125.836.550	10.559.315.833

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2017 với giá trị là 570.624.348 đồng, tại 01/01/2017 là 570.624.348 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

<u>Khoản mục</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2017	288.859.900	288.859.900
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>288.859.900</u>	<u>288.859.900</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2017	200.295.666	200.295.666
Tăng trong năm	46.956.000	46.956.000
Khấu hao trong năm	46.956.000	46.956.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>247.251.666</u>	<u>247.251.666</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	<u>88.564.234</u>	<u>88.564.234</u>
Tại 31/12/2017	<u>41.608.234</u>	<u>41.608.234</u>

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2017 (VND)</u>		<u>01/01/2017 (VND)</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.698.234.836	9.698.234.836	116.069.000	116.069.000
Mua sắm tài sản cố định	7.231.531.572	7.231.531.572	-	-
Cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước Thị trấn Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm	2.466.703.264	2.466.703.264	116.069.000	116.069.000
Tổng	<u>9.698.234.836</u>	<u>9.698.234.836</u>	<u>116.069.000</u>	<u>116.069.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẤU B 09 - DN

5.11 Đầu tư tài chính

	31/12/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5.057.749.605	5.057.749.605	-	15.621.749.605	15.621.749.605	-
Cty TNHH Cấp nước Yên Lập - Quảng Ninh	882.000.000	882.000.000	-	882.000.000	882.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển An Việt	-	-	-	10.564.000.000	10.564.000.000	-
Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	1.855.800.000	1.855.800.000	-	1.855.800.000	1.855.800.000	-
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	1.385.860.000	1.385.860.000	-	1.385.860.000	1.385.860.000	-
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Lạc Việt	934.089.605	934.089.605	-	934.089.605	934.089.605	-
Đầu tư dài hạn khác	2.375.000.000	2.219.216.530	(155.783.470)	2.375.000.000	2.199.334.430	(175.665.570)
Công ty CP BĐS Lilama Land	375.000.000	375.000.000	-	375.000.000	375.000.000	-
Công ty CP BĐS An Việt	2.000.000.000	1.844.216.530	(155.783.470)	2.000.000.000	1.824.334.430	(175.665.570)
Tổng	7.432.749.605	7.276.966.135	(155.783.470)	17.996.749.605	17.821.084.035	(175.665.570)

Chi tiết các công ty liên doanh, liên kết như sau:

STT	Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Cty TNHH Cấp nước Yên Lập - Quảng Ninh	Xã Minh Thành, Huyện Yên Hưng, Tỉnh Quảng Ninh	18,56%	18,56%	SX, KD nước sạch
2	Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	179 Đinh Tiên Hoàng, Phường DaKao, Quận 1, TP HCM	48,81%	48,81%	Tư vấn
3	Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	Số 9 Đường Thành, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	48,97%	48,97%	Tư vấn
4	Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Lạc Việt	Số 9 Đường Thành, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	44,48%	44,48%	Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	5.616.599.325	5.616.599.325	3.042.290.834	3.042.290.834
Ban QLDA KV Đầu tư và XD huyện Cần Giờ	171.999.520	171.999.520	171.999.520	171.999.520
Công ty CP Tư vấn đầu tư XD Việt Vương	347.875.663	347.875.663	146.846.804	146.846.804
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường	-	-	674.236.431	674.236.431
Chi nhánh Công ty CP khảo sát và XD - USCO tại Miền Trung	970.966.000	970.966.000	-	-
Công ty TNHH Công nghệ Nhiệt đới	1.008.330.350	1.008.330.350	-	-
Công ty CP tư vấn thiết kế giao thông Bình Định	1.674.434.300	1.674.434.300	-	-
Công ty CP TV XD Giao thông Lào Cai	-	-	371.271.822	371.271.822
Phải trả các đối tượng khác	1.442.993.492	1.442.993.492	1.677.936.257	1.677.936.257
Trong đó Phải trả người bán là các bên liên quan	329.127.456	329.127.456	365.442.940	365.442.940
Cty CP Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông (OCI)	-	-	120.000.000	120.000.000
Công ty CP Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt (LAVIC)	-	-	178.588.703	178.588.703
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	329.127.456	329.127.456	66.854.237	66.854.237
Tổng	5.616.599.325	5.616.599.325	3.042.290.834	3.042.290.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Người mua trả tiền trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.317.779.426	14.737.107.936
BQL DA Thoát nước Hà Nội	-	568.600.000
Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Đô thị thành phố	3.099.923.544	2.463.031.494
Công ty CP cấp nước Cửa Lò (tên cũ Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Cửa Lò)	3.189.279.538	-
Ban QLDA đầu tư CSHT phát triển bền vững Tp Lào Cai	-	1.100.000.000
Công ty TNHH ITV Cấp nước Hải Phòng (nay là Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng)	2.393.444.244	-
Ban quản lý TW các dự án thủy lợi	642.389.596	1.392.094.736
Người mua trả tiền trước khác	7.992.742.504	9.213.381.706
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
Tổng	17.317.779.426	14.737.107.936

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	<i>Đơn vị tính: VND</i> 31/12/2017	
	Dư nợ	Dư có			Dư nợ	Dư có
Thuế giá trị gia tăng	407.255.175	-	7.824.268.528	7.111.346.154	-	305.667.199
Thuế thu nhập doanh nghiệp	524.596.031	-	4.905.524.180	3.816.106.979	-	564.821.170
Thuế thu nhập cá nhân	-	178.180.393	1.722.352.501	1.933.823.725	33.290.831	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Tổng	931.851.206	178.180.393	14.455.145.209	12.864.276.858	33.290.831	870.488.369

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	15.138.189.171	9.761.033.046
- Bảo hiểm xã hội;	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	15.138.189.171	9.761.033.046
<i>Phải trả các đội nhận khoán</i>	<i>12.175.643.905</i>	<i>9.709.927.780</i>
<i>Phải trả cá nhân trong Công ty</i>	<i>2.880.440.000</i>	-
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>82.105.266</i>	<i>51.105.266</i>
Tổng	15.138.189.171	9.761.033.046

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.16 **Vốn chủ sở hữu**

5.16.1. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	21.000.000.000	-	10.160.498.280	6.732.182.043	37.892.680.323
Tăng trong năm	15.000.000.000	28.754.235	1.418.470.756	10.974.192.648	27.421.417.639
Tăng vốn	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	28.754.235	-	-	28.754.235
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	10.974.192.648	10.974.192.648
Trích lập các quỹ	-	-	1.418.470.756	-	1.418.470.756
Giảm trong năm	-	-	5.998.820.000	6.732.182.043	12.731.002.043
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.372.182.043	3.372.182.043
Chi cổ tức	-	-	-	3.360.000.000	3.360.000.000
Tăng vốn CSH từ các quỹ	-	-	5.998.820.000	-	5.998.820.000
Số dư tại 31/12/2016	36.000.000.000	28.754.235	5.580.149.036	10.974.192.648	52.583.095.919
Số dư tại 01/01/2017	36.000.000.000	28.754.235	5.580.149.036	10.974.192.648	52.583.095.919
Tăng trong năm	-	-	2.000.000.000	18.991.565.621	20.991.565.621
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	18.991.565.621	18.991.565.621
Trích lập các quỹ	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	9.140.000.000	9.140.000.000
Chia trả cổ tức	-	-	-	5.040.000.000	5.040.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.100.000.000	4.100.000.000
Số dư tại 31/12/2017	36.000.000.000	28.754.235	7.580.149.036	20.825.758.269	64.434.661.540

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**5.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	Số lượng CP	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Vốn đã ghi nhận	
				31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	1.272.600	12.726.000.000	35%	12.726.000.000	12.726.000.000
Các cổ đông khác	2.327.400	23.274.000.000	65%	23.274.000.000	23.274.000.000
Tổng	3.600.000	36.000.000.000		36.000.000.000	36.000.000.000

5.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	36.000.000.000	36.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	36.000.000.000	36.000.000.000
- Chia cổ tức, trích lập các quỹ	9.140.000.000	6.732.182.043

5.16.4. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
Cổ phiếu quỹ	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	140.510.237.535	154.194.541.133
Doanh thu vật tư, xây lắp	3.114.985.244	2.771.159.674
Doanh thu kinh doanh nước sạch	334.575.622	225.672.101
Tổng	143.959.798.401	157.191.372.908

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	121.898.612.791	133.348.590.960
Trong đó:		
- Lương	55.832.904.436	61.344.589.775
- Chi phí chung	66.065.708.355	72.004.001.185
Giá vốn vật tư, xây lắp	3.023.023.006	2.768.085.121
Giá vốn kinh doanh nước sạch	670.928.366	484.300.519
Tổng	125.592.564.163	136.600.976.600

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.196.690.842	939.798.698
Cổ tức và lợi nhuận được chia	809.487.000	652.885.600
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.385.230	15.687.005
Thu từ hoạt động bán cổ phần từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Việt (*)	15.846.000.000	150.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.950	-
Tổng	17.855.565.022	1.758.371.303

(*): Theo nghị quyết số 09/NQ- VIWASE- HĐQT ngày 17/7/2017 về việc chào bán thỏa thuận cổ phần của VIWASE tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Việt: Số cổ phiếu bán ra: 1.056.400 cổ phần, Giá mua vào: 10.000đ/cổ phần, giá bán ra: 25.000 đồng/cổ phần. Số tiền thu được: 26.410.000.000 đồng.

5.20 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	55.048	4.629.988
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	155.453	704.580
Chi phí cho hoạt động bán cổ phần từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Việt	42.727.273	68.690.909
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(19.882.100)	9.278.075
Tổng	23.055.674	83.303.552

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.972.223.000	3.799.861.500
Chi phí đồ dùng văn phòng	350.390.556	704.164.569
Chi phí khấu hao TSCĐ	266.118.567	280.737.432
Thuế, phí, lệ phí	60.073.918	45.707.197
Phân bổ lợi thế kinh doanh doanh nghiệp	-	395.676.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.633.331.860	2.062.490.512
Chi phí bằng tiền khác	5.047.426.820	1.528.533.881
Tổng	13.329.564.721	8.817.171.226

5.22 Lợi nhuận khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Thu từ cho thuê cửa hàng, văn phòng, chi phí sử dụng chung	728.076.375	117.152.728
Thu từ chấm dứt hợp đồng lao động	7.000.000	7.500.000
Thu nhập khác	33.481.817	50.000.000
Tổng	768.558.192	174.652.728
Chi phí khác		
Tiền phạt thuế	71.690.334	-
Chi phí khác	-	45.000.000
Tổng	71.690.334	45.000.000
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	696.867.858	129.652.728

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	23.567.046.723	13.577.945.561
Điều chỉnh tăng	119.845.787	93.704.580
+ Thù lao HĐQT không làm việc trực tiếp	48.000.000	48.000.000
+ Tiền phạt và truy thu thuế và tiền khác	71.690.334	45.000.000
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	155.453	704.580
Điều chỉnh giảm	809.487.000	652.885.600
+ Cổ tức được chia	809.487.000	652.885.600
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	22.877.405.510	13.018.764.541
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.575.481.102	2.603.752.913
Tổng	4.575.481.102	2.603.752.913

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.575.481.102	2.603.752.913
Tổng	4.575.481.102	2.603.752.913

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.991.565.621	10.974.192.648
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.991.565.621	10.974.192.648
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (trường hợp trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	3.600.000	3.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.275	3.048

5.23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	638.764.123	-
Chi phí nhân công	64.668.838.228	72.696.543.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	704.736.567	531.978.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.176.790.181	6.639.226.310
Chi phí khác bằng tiền	46.793.315.928	47.001.232.076
Tổng	119.982.445.027	126.868.980.063

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	1.933.574.000	1.384.770.000

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giao dịch mua hàng			
Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	Thầu phụ	3.722.670.079	2.206.717.000
Công ty CP TV và ĐTXDHT Phương Đông	Thầu phụ	113.636.364	109.090.909
Công ty CP TV và ĐTXDHT Lạc Việt	Thầu phụ	327.000.000	
Giao dịch bán hàng			
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Phương Đông	Thiết kế	-	109.058.182
Công ty CP TV và ĐTXDHT Lạc Việt		32.022.727	-
Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn		168.471.769	-

Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản phải thu			
Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	Phải thu khác	-	185.580.000
Các khoản phải trả			
Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	Phải trả người bán	253.329.547	66.854.237
Công ty CP TV và ĐTXDHT Phương Đông	Phải trả người bán	-	120.000.000
Công ty CP TV và ĐTXDHT Lạc Việt	Phải trả người bán	-	178.588.703

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Thu Hương

Ngô Lan Phương

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHỤ LỤC

Phụ lục số 01 - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong năm 2017		Số còn phải nộp cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
1	2	3	4	5=2+3-4
I. Thuế	(753.670.813)	14.455.145.209	12.864.276.858	837.197.538
1. Thuế GTGT	(407.255.175)	7.824.268.528	7.111.346.154	305.667.199
2. Thuế TNDN	(524.596.031)	4.905.524.180	3.816.106.979	564.821.170
3. Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	-
4. Thuế thu nhập cá nhân	178.180.393	1.722.352.501	1.933.823.725	(33.290.831)
5. Thuế khác		-	-	-
Tổng cộng	(753.670.813)	14.455.145.209	12.864.276.858	837.197.538

10/1
3T
HT
TO
ETP
1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHỤ LỤC

Phụ lục số 02 - Chi tiết các khoản chi phí cho phần dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế

Chỉ tiêu	Năm 2017 VND
1. Lương	
- Tại Văn phòng Công ty	4.972.223.000
- Tại các đơn vị sản xuất	55.832.904.436
Tổng	60.805.127.436
2. Chi phí chung	
- Tại Văn phòng Công ty	8.357.341.721
- Tại các đơn vị sản xuất	66.065.708.355
Tổng	74.423.050.076



Số: 01/2018/UQ-CPA VIETNAM

Ngày 02 tháng 01 năm 2018

GIẤY ỦY QUYỀN*(Về việc ký các Văn bản, Hợp đồng và Báo cáo chuyên ngành)*

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/06/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM và các sửa đổi, bổ sung đến thời điểm hiện tại;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Tôi tên là **Nguyễn Phú Hà - Chủ tịch HĐQT**, số Căn cước Công dân: 026072001408 do Cục Cảnh sát ĐKQLCư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 07/11/2016, là Người đại diện theo pháp luật của **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**, địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam. Bằng Văn bản này ủy quyền cho: **Ông Vũ Ngọc Ân - Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**, số Chứng minh thư nhân dân: 036057000214 do Cục Cảnh sát ĐKQLCư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03/07/2015, thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Ký các Văn bản, Hồ sơ chào hàng, chào phí, Hồ sơ quan tâm, Hồ sơ dự thầu, Hồ sơ làm rõ Hồ sơ quan tâm hoặc Hồ sơ dự thầu các dịch vụ chuyên ngành tài chính;
- Tham gia thương thảo, ký Biên bản thương thảo Hợp đồng, Hợp đồng hoặc thư thỏa thuận cung cấp các dịch vụ chuyên ngành tài chính;
- Ký các Báo cáo kiểm toán, Báo cáo kết quả công tác soát xét, Báo cáo tư vấn, Biên bản hoặc Hồ sơ tư vấn định giá.

Người được Ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM** và không được ủy quyền lại cho bên thứ 3. **Ông Vũ Ngọc Ân** chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Công ty và Pháp luật về những công việc do mình thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Giấy Ủy quyền này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản, 03 bản lưu tại bộ phận Văn thư lưu trữ của Công ty.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vũ Ngọc Ân

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Phú Hà